

Số: 1866 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới và bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2794/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính*

*bị bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 359 /TTr-SNNMT ngày 21 tháng 7 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới và bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai (*Phụ lục Danh mục TTHC và quy trình điện tử giải quyết TTHC kèm theo*). Cụ thể:

#### **1. Cấp tỉnh**

Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính có mã thủ tục 1.003524, 1.003388 và 1.003371 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định 1274/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Bãi bỏ 03 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mã thủ tục 1.003524, 1.003388 và 1.003371 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định 1907/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai và Quyết định 761/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai

#### **2. Cấp xã**

Ban hành mới 01 thủ tục hành chính lĩnh vực phát triển nông thôn có mã thủ tục 3.000611.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện kể từ thời điểm có hiệu lực thi hành tại Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026, Quyết định 2742/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2027 và Quyết định số 2794/QĐ-BNNMT ngày 20/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Các nội dung khác của Quyết định số: 1274/QĐ-UBND ngày 22/4/2025, 1907/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, 432/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 và 761/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành

chính công thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp)
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC(Diệp).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, BỊ BỎ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

*(Kèm theo Quyết định số 1866 /QĐ-UBND ngày 26 /7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

| ST T     | Mã TTHC                              | Tên thủ tục hành chính            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                             | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                   | Ghi chú                                                                                                  |
|----------|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>CẤP XÃ</b>                        |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                          |             |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                          |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                          |             |                                                                                                                                                                                  |                                                                                                          |
| 1        | 3.000611                             | Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ủy ban nhân dân cấp xã: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sản phẩm.</li> <li>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/6 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30/4; đợt 02 trước ngày 30/12 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30/10.</li> <li>Bộ Nông nghiệp và Môi trường: tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30/9 đối với các hồ sơ được UBND cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/7; đợt 02 trước ngày 30/3 đối với các hồ sơ được UBND cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30/01.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng đến Ủy ban nhân dân cấp xã</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã</li> <li>Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</li> </ul> | Không       | Điều 6, Điều 7 Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.<br><br>Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

## PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| STT       | Số hồ sơ<br>TTHC                                        | Tên thủ tục hành<br>chính                                                       | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục<br>hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan thực hiện                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>  | <b>CẤP TỈNH</b>                                         |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>I</b>  | <b>LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1         | 1.003524                                                | Kiểm tra chất lượng<br>muối nhập khẩu                                           | <p>- Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>(Trong đó tại khoản 4 Điều 6 bãi bỏ các nội dung quy định liên quan đến kiểm tra chất lượng muối công nghiệp nhập khẩu tại Điều 1; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 1 Điều 8 Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 quy định TTHC này);</p> | Sở Nông nghiệp và<br>Môi trường                    | - Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>                             |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1         | 1.003388                                                | Cấp Giấy chứng<br>nhận doanh nghiệp<br>nông nghiệp ứng<br>dụng công nghệ<br>cao | Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10/12/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Sở Nông nghiệp và<br>Môi trường<br>(UBND cấp tỉnh) | Quyết định số 2794/QĐ-BNNMT ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc phạm vi chức                                                                        |

| STT | Số hồ sơ<br>TTHC | Tên thủ tục hành<br>chính                                                           | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục<br>hành chính  | Cơ quan thực hiện                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                                                     |                                                        |                                                    | năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và<br>Môi trường                                                                                                                                                                                                 |
| 2   | 1.003371         | Cấp lại Giấy chứng<br>nhận doanh nghiệp<br>nông nghiệp ứng<br>dụng công nghệ<br>cao | Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15<br>ngày 10/12/2025 | Sở Nông nghiệp và<br>Môi trường<br>(UBND cấp tỉnh) | Quyết định số 2794/QĐ-BNNMT<br>ngày 20/7/2026 của Bộ trưởng Bộ<br>Nông nghiệp và Môi trường về việc<br>công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ<br>trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc<br>phạm vi chức năng quản lý của Bộ<br>Nông nghiệp và Môi trường |

**PHỤ LỤC II****QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI THUỘC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI***Kèm theo Quyết định số 1866 /QĐ-UBND ngày 26/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***PHẦN I. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

| Bước thực hiện                                                           | Trình tự thực hiện                                                      | Đơn vị giải quyết tthc                                                                                                                                                                                     | Thời gian giải quyết tthc | Phí, lệ phí (vnd) | Ghi chú                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A. CẤP XÃ</b>                                                         |                                                                         |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                          |
| <b>I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                  |                                                                         |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                          |
| <b>1. Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, mã TTHC: 3.000611, Một phần</b> |                                                                         |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                          |
| Bước 1                                                                   | Tiếp nhận hồ sơ                                                         | - Nộp hồ sơ trực tiếp đến bộ phận 1 của Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã<br>- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a> | 0,5 ngày làm việc         | Không quy định    | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2742/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| Bước 2                                                                   | Phân công xử lý hồ sơ                                                   | Lãnh đạo phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã                                                                                                                                                   | 1 ngày làm việc           |                   |                                                                                                          |
| Bước 3                                                                   | Xử lý hồ sơ                                                             | Chuyên viên phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã                                                                                                                                                | 12 ngày làm việc          |                   |                                                                                                          |
| Bước 4                                                                   | Ban hành Báo cáo đánh giá, văn bản đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã                                                                                                                                                                            | 1.5 ngày làm việc         |                   |                                                                                                          |



| Bước thực hiện                        | Trình tự thực hiện                                                 | Đơn vị giải quyết tthc                   | Thời gian giải quyết tthc           | Phí, lệ phí (vnd) | Ghi chú |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|---------|
|                                       | OCOP; gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh |                                          |                                     |                   |         |
| Bước 5                                | Trả kết quả                                                        | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã |                                     |                   |         |
| <b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b> |                                                                    |                                          | <b>15 ngày làm việc<sup>1</sup></b> |                   |         |

<sup>1</sup> Không tính thời gian tổ chức thẩm định, thông báo kết quả tại cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia